

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Thông báo số 62-TB/TU ngày 24/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án cơ cấu kinh tế tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 44/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 6 năm 2016,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu như sau:

#### I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ

##### 1. Quan điểm tái cơ cấu kinh tế

- Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng phải dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh; kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

- Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; ưu tiên mục tiêu trung và dài hạn; gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc truyền thống tiêu biểu, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh, bảo vệ và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu; củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính ở các ngành, các cấp một cách đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm.

- Tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng tối đa những ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do nước ta đã ký kết với các đối tác để đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh.

## **2. Mục tiêu tái cơ cấu kinh tế**

### **a) Mục tiêu tổng quát:**

Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung phát triển những ngành sản xuất và dịch vụ có tiềm năng lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính; bảo đảm hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở hoạt động thông suốt, hiện đại, hiệu lực và hiệu quả.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, bền vững; điều chỉnh cơ cấu nội bộ ngành, lĩnh vực theo hướng chú trọng ưu tiên những ngành, lĩnh vực mang tính đột phá, có sức tác động và lan tỏa tới các ngành, lĩnh vực khác.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các ngành, lĩnh vực, địa phương có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo, bố trí và sử dụng lao động hợp lý để nâng cao năng suất lao động.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, các thủ tục hành chính đều thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức theo đúng Đề án vị trí việc làm.

- Chủ động hội nhập quốc tế; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

### **c) Một số chỉ tiêu chủ yếu:**

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân hàng năm 7 - 7,5%; giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân hàng năm 7,5 - 8%; giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân hàng năm 8 - 8,5%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.000 USD; năm 2025 đạt khoảng 4.500 USD, năm 2030 đạt trên 6.000 USD.

- Cơ cấu kinh tế (%):

	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
+ Dịch vụ:	42,5	48,0	51,0
+ Công nghiệp, xây dựng:	31,0	32,3	35,0
+ Ngư, nông, lâm nghiệp:	23,0	16,8	12,0
+ Thuế NK, thuế SP:	3,5	2,9	2,0

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm 2016 - 2020 bằng khoảng 30% GRDP; bình quân 5 năm 2021 - 2025 bằng khoảng 32% GRDP; bình quân 5 năm 2026 - 2030 bằng khoảng 34 - 35% GRDP.

- Thu ngân sách nhà nước bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 17%/năm; bình quân 5 năm 2021 - 2025 tăng 18 - 20%/năm; bình quân 5 năm 2026 - 2030 tăng 21 - 22%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 1,7 tỷ USD; năm 2025 đạt khoảng 1,9 - 2 tỷ USD; năm 2030 đạt 2,2 - 2,5 tỷ USD.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU KINH TẾ**

### **1. Định hướng tái cơ cấu các ngành kinh tế**

a) Tái cơ cấu các ngành dịch vụ:

Mục tiêu trong giai đoạn 2016 - 2020 khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 10% và tỷ trọng của khu vực dịch vụ đến cuối năm 2020 đạt 42,5% GRDP; giai đoạn 2021 - 2025 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10,4% và tỷ trọng đến cuối năm 2025 đạt 48% GRDP; giai đoạn 2026 - 2030 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10,8% và tỷ trọng đến cuối năm 2030 đạt 51% GRDP.

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng lớn như: ngoại thương, thương mại, du lịch, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, viễn thông, công nghệ thông tin...

b) Tái cơ cấu các ngành công nghiệp, xây dựng:

Mục tiêu trong giai đoạn 2016 - 2020 khu vực công nghiệp, xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 7,5%, tỷ trọng của khu vực công nghiệp, xây dựng đến cuối năm 2020 đạt 31% GRDP; giai đoạn 2021 - 2025 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,1% và tỷ trọng đến cuối năm 2025 đạt 32,3% GRDP; giai đoạn 2026 - 2030 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,5% và tỷ trọng đến cuối năm 2030 đạt 35% GRDP.

- Tái cơ cấu ngành công nghiệp:

Đẩy mạnh phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; chú trọng phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp ưu tiên làm nền tảng cho hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của nhà nhập khẩu để gia tăng giá trị và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

Ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ và vừa với ngành nghề đa dạng, nhất là ở nông thôn; khôi phục và phát triển một số làng nghề truyền thống (dệt chiếu, đan lát, tre, trúc, đồ gỗ...) nhằm chuyển dần lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện của tỉnh như: điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối; khuyến khích đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm đáp ứng nhu cầu trong tỉnh; không thu hút các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Tái cơ cấu ngành xây dựng:

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quy hoạch xây dựng, đảm bảo quy hoạch phải đi trước một bước, có tầm nhìn dài hạn, có tính toán các nguồn lực thực hiện theo từng giai đoạn.

Tạo điều kiện để hình thành các doanh nghiệp mạnh trong ngành xây dựng với trang thiết bị, phương tiện thi công tiên tiến, tiếp cận và từng bước làm chủ các công nghệ hiện đại trong thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện được các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp; nâng cao chất lượng, thẩm mỹ các công trình kiến trúc. Liên kết để hình thành các công ty xây dựng đủ năng lực, khả năng tham gia đấu thầu các dự án lớn trong và ngoài tỉnh.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển thị trường bất động sản, trước hết là thị trường nhà ở xã hội, các khu đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị trong tỉnh.

c) Tái cơ cấu các ngành ngư, nông, lâm nghiệp:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng khu vực ngư, nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 bình quân hàng năm đạt khoảng 4%, tỷ trọng trong GRDP đến cuối năm 2020 giảm còn 23%; giai đoạn 2021 - 2025 tăng trưởng bình quân khoảng 4,1%, tỷ trọng trong GRDP đến cuối năm 2025 giảm còn 16,8% và giai đoạn 2026 - 2030 tăng trưởng bình quân khoảng 4,2%, tỷ trọng trong GRDP đến cuối năm 2030 giảm còn 12%.

Định hướng tái cơ cấu các ngành ngư, nông, lâm nghiệp theo hướng, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, xây dựng và phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực sát với lợi thế và nhu cầu thị trường, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn, áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn quốc tế để nâng cao tính cạnh tranh; phát triển mô hình chuỗi giá trị liên kết các sản phẩm chủ lực, hình thành mô hình sản xuất xanh, sinh thái và bền vững; phát triển thêm các sản phẩm mới ngoài con tôm, gạo, gỗ phù hợp với lợi thế của từng địa bàn, phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Xây dựng ngành Thủy sản theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, hình thành cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường; tập trung sản xuất theo quy mô lớn, luân canh, đúng quy hoạch vùng nuôi; áp dụng công nghệ nuôi sinh thái cho năng suất cao; phát triển các đối tượng nuôi khác có giá trị cao ngoài con tôm. Cơ cấu lại tàu thuyền khai thác thủy sản theo hướng giảm mạnh khai thác ở vùng biển ven bờ; đẩy mạnh khai thác xa bờ, tăng dần loại tàu có công suất trên 400CV, tăng tỷ trọng khai thác xa bờ lên trên 80% nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Tái cơ cấu trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy sản phẩm trồng trọt của tỉnh như: lúa, mía, chuối, rau màu. Tổ chức lại sản xuất ngành chăn nuôi theo hướng gắn sản xuất với thị trường. Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại; bố trí các trang trại chăn nuôi theo đúng quy hoạch, ở khu vực xa khu dân cư.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và dịch vụ môi trường rừng. Triển khai đầy đủ các hoạt động dịch vụ môi trường rừng; nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng, tiềm năng dịch vụ môi trường rừng.

- Đẩy mạnh liên kết, hình thành các chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm: Khuyến khích phát triển và thành lập mới các hợp tác xã sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp trong chuỗi giá trị sản phẩm liên kết để đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ, làm đầu mối tiếp nhận và triển khai dịch vụ công ở cộng đồng như: khuyến nông, tín dụng, hỗ trợ marketing, quản lý chất lượng...

## ***2. Tái cơ cấu đầu tư***

Huy động hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 30% GRDP; giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 32% GRDP; giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 34 - 35% GRDP.

Tích cực huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, khuyến khích đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP); đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường... Tiếp tục tranh thủ các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, các dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)...

Tổ chức triển khai thực hiện Luật Đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Tăng cường quản lý các dự án đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước, lựa chọn các dự án đầu tư phải đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội. Các cấp có thẩm quyền và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn vốn đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

Tập trung đầu tư xây dựng và tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư các dự án, công trình quan trọng làm động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như: Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Khu kinh tế Năm Căn, Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau,...

### **3. Tái cơ cấu theo thành phần kinh tế**

Phát triển hài hòa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng để doanh nghiệp phát triển; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp liên kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh.

Định hướng phát triển các thành phần kinh tế như sau:

- Khu vực doanh nghiệp nhà nước: Các doanh nghiệp đã sắp xếp có vốn thuộc sở hữu Nhà nước trên 50% tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Khu vực doanh nghiệp dân doanh: Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật. Khuyến khích hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân quy mô lớn, đảm bảo khả năng cạnh tranh trong và ngoài nước. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường đầu tư và cạnh tranh thuận lợi, bình đẳng và minh bạch để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực và thị trường, đóng góp ngày càng cao vào phát triển kinh tế, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh đào tạo quản trị doanh nghiệp, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, tiếp cận thông tin, thị trường.

- Khu vực kinh tế tập thể: Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã. Phát triển kinh tế hợp tác theo hướng hợp tác xã, tổ hợp tác tập trung phục vụ hoạt động kinh tế, đời sống của thành viên hoạt động theo đúng các nguyên tắc hợp tác.

- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp trên địa bàn tỉnh; khuyến khích đầu tư vào những ngành nghề, lĩnh vực áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, chuyển giao công nghệ mới và phương pháp quản lý hiện đại.

### **4. Định hướng phát triển các vùng kinh tế**

Tỉnh Cà Mau có 02 vùng kinh tế: Vùng kinh tế nội địa (gồm thành phố Cà Mau và 02 huyện không có bờ biển: Cái Nước và Thới Bình); vùng kinh tế biển và ven biển, bao gồm vùng biển và phần đất liền của các huyện có tiếp giáp bờ biển (gồm: U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Năm Căn, Ngọc Hiển và Đầm Dơi).

Để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế, tạo sự liên kết giữa các vùng để phát triển cân đối và bền vững, định hướng phát triển các vùng kinh tế của tỉnh trong thời gian tới như sau:

#### a) Đối với vùng nội địa

Định hướng vùng nội địa phát triển thế mạnh về dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính, viễn thông; giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ở khu vực ngoại ô thành phố Cà Mau và trên địa bàn các huyện Cái Nước, Thới Bình.

#### b) Đối với vùng biển và ven biển

Định hướng phát triển vùng biển và ven biển của tỉnh trong thời gian tới là:

- Thu hút đầu tư, xây dựng Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Cảng Năm Căn, Cảng biển Sông Đốc trở thành địa bàn phát triển đột phá, cực phát triển quan trọng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ vận tải biển, hàng hải, logistics, thương mại, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, xuất nhập khẩu gắn với Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Cảng biển Sông Đốc và Khu kinh tế Năm Căn, làm trung tâm giao lưu và hội nhập quốc tế của cả tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Xây dựng và phát triển khu vực biển và ven biển của tỉnh Cà Mau thành cứ điểm quan trọng phục vụ hậu cần cho các hoạt động quốc phòng, an ninh của đất nước gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

- Tập trung nguồn lực để phát triển vùng biển và ven biển thành khu vực phát triển năng động, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả tỉnh, trong đó hạt nhân phát triển là Cảng biển tổng hợp Hòn Khoai, Cảng biển Sông Đốc, Khu kinh tế Năm Căn, đô thị Năm Căn và đô thị Sông Đốc.

- Khai thác có hiệu quả thế mạnh của các đảo, bờ biển để phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, du lịch biển như: Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc. Xây dựng và phát triển kinh tế Đảo Thanh niên Hòn Chuối.

#### ***5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng***

Tiếp tục hợp tác, liên kết có hiệu quả trên các lĩnh vực với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung đã ký kết. Phát huy vai trò là địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, là động lực để thúc đẩy tăng trưởng của cả vùng.

Đẩy mạnh hợp tác giữa các địa phương trong các lĩnh vực: Xúc tiến đầu tư, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển công nghiệp chế biến, phát triển các sản phẩm có lợi thế xuất khẩu và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ; xây dựng các tuyến giao thông liên tỉnh, các công trình xử lý chất thải rắn, hệ thống cấp nước, thoát nước quy mô vùng; phối hợp hình thành các tour du lịch nhằm khai thác các lợi thế so sánh và đặc thù riêng của mỗi địa phương; phối hợp trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

### **III. CÁC GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU KINH TẾ**

#### ***1. Nâng cao chất lượng và hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch***

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (điều chỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Thực hiện rà soát điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố để thực hiện các nội dung, định hướng tái cơ cấu kinh tế, làm cơ sở huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển, đảm bảo phù hợp và phát huy lợi thế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo phát triển bền vững.

Nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất theo hướng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả đất đai cho các ngành, lĩnh vực, địa phương; thực hiện lồng ghép, quản lý chặt chẽ yêu cầu bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

#### ***2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Kết hợp giữa đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương với thu hút lực lượng lao động chất lượng cao từ bên ngoài để đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là các ngành đòi hỏi hàm lượng tri thức cao.

Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục và dạy nghề phù hợp với quy hoạch; mở rộng quy mô, đa dạng ngành nghề và loại hình đào tạo; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng theo ngành nghề và trình độ đào tạo.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động; thực hiện tốt các chương trình đào tạo nghề cho lao động phù hợp nhu cầu sử dụng lao động, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Thực hiện có hiệu quả chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đội ngũ quản lý của các doanh nghiệp; chính sách thu hút trí thức trẻ có trình độ đại học trở lên về công tác tại cơ sở, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia trong việc mở các khóa học đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động; thực hiện các giải pháp giúp người thất nghiệp, người thiếu việc làm có việc làm. Giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động.

#### ***3. Phát triển khoa học và công nghệ***

Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tập trung đầu tư cải tiến, đổi mới công nghệ sản xuất, đồng bộ hóa công nghệ trong những ngành có lợi thế của tỉnh như khai thác, chế biến nông, lâm, thủy sản.



Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong các đề tài, dự án một cách đồng bộ và hiệu quả trên các lĩnh vực. Chọn và triển khai các đề tài, dự án phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh.

Chú trọng chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực, công đoạn sản xuất để nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao.

Từng bước hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo điều kiện cho hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ diễn ra thuận lợi. Chủ động liên kết, hợp tác với các viện, các trường, các trung tâm, các nhà khoa học trong và ngoài nước tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phổ biến cho nhân dân.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp - Nhà nước, quan tâm hỗ trợ hoạt động sáng kiến của người dân.

#### ***4. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh***

Tập trung rà soát tất cả thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, kịp thời loại bỏ, sửa đổi theo thẩm quyền đối với những thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp hoặc đề nghị Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung theo quy định, nhằm duy trì những thủ tục hành chính thực sự cần thiết, đơn giản, có chi phí tuân thủ thấp nhất.

Công bố, niêm yết công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định. Bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính bảo đảm đúng tiến độ theo quy định.

Coi trọng công tác xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy do tỉnh ban hành, thường xuyên rà soát, sửa đổi những thủ tục, loại bỏ những giấy tờ không cần thiết, những quy định, quy chế không còn phù hợp, rút ngắn thời gian giải quyết các công việc. Cải thiện thứ hạng đối với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR-index).

Thiết lập cơ chế đối thoại giữa các cấp chính quyền trong tỉnh với người dân và doanh nghiệp phù hợp tình hình thực tế ở địa phương, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

## ***5. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển***

Huy động tối đa các nguồn lực xã hội để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trong điều kiện tỷ trọng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước ngày càng giảm, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài tham gia các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng theo các hình thức phù hợp, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện để thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Tích cực thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Thực hiện quyết liệt, nhất quán, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn; trong đó tập trung vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng, có tác động lan tỏa để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Không phân bổ và thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mà khu vực tư nhân có khả năng và sẵn sàng đầu tư.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đầu tư công đúng quy định đối với từng nguồn vốn đầu tư công, bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; tránh thất thoát, lãng phí.

## ***6. Mở rộng liên kết, hợp tác phát triển***

Phát huy tối đa vai trò là một cực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đẩy mạnh liên kết kinh tế với các nước trong khu vực ASEAN (Thái Lan, Campuchia...), các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL và các tỉnh lân cận về quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực để tránh chồng chéo, cạnh tranh lẫn nhau, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện kết nối, xây dựng các chuỗi giá trị quy mô lớn kết nối nội vùng, ngoại vùng.

Nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân trong tỉnh về nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau gắn liền với liên kết vùng và hội nhập quốc tế trong giai đoạn phát triển tới.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nâng cao hoạt động kinh tế đối ngoại và hợp tác đầu tư với các nước hoặc địa phương của các nước có trình độ phát triển cao hơn và có tiềm năng về thị trường.

## ***7. Giải quyết tốt các vấn đề môi trường và xã hội***

Trong quá trình tái cơ cấu kinh tế, giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Các giải pháp bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống, bao gồm:

- Triển khai thực hiện tốt Chiến lược tăng trưởng xanh; thúc đẩy và khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

- Tập trung xử lý các vấn đề môi trường như ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, chất thải rắn.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường, nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia dưới các hình thức đa dạng, thích hợp của cộng đồng và doanh nghiệp vào công cuộc bảo vệ môi trường.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu, điều phối của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án có trách nhiệm:

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo triển khai thực hiện Đề án; đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn triển khai Đề án; kiểm tra, giám sát, đánh giá về thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu của các ngành, lĩnh vực; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp thẩm quyền biện pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố:

- Chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương để triển khai thực hiện Đề án; trong đó phải thể hiện đầy đủ các nội dung: Mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng, nội dung và các giải pháp cụ thể, lộ trình và thời gian thực hiện.

- Chú trọng tăng cường phối hợp triển khai thực hiện giữa các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp thực hiện tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin của tỉnh chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể thường xuyên cung cấp thông tin, tuyên truyền về các cơ chế chính sách, tình hình và kết quả tái cơ cấu kinh tế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng: KT, TH (Châu);
- Lưu: VT, Mi106/6.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Hải**